TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2018
V/v "*tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân An.

2. Ông Phan Văn Thiện.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lưu Thị Kim L**, sinh năm 1975. (Có mặt)
Địa chỉ: Số AA, khu vực THC, phường LH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Đức N**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số AA, khu vực THC, phường LH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lưu Thị Kim L trình bày:

Vào năm 1992, chị và anh Trần Đức N sau một thời gian tìm hiểu do mai mối nên đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng vào ngày 03/3/2015.

Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N hạnh phúc từ khi cưới đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm, anh N không quan tâm gia đình vợ con, chị đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị đã dọn ra ngoài ở riêng và ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Lưu Nhân Lg (nam), sinh ngày 22/5/1993. Nhân Lg đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại Bản tự khai đề ngày 15/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đức N trình bày:

Anh và chị Lưu Thị Kim L do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống, đến cuối năm 2015 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa về kinh tế gia đình, thời gian trước anh có hay ăn chơi không quan tâm vợ con nên hay cự cải nhau dần mất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau anh đã sửa đổi, anh có quan tâm vợ con, anh nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng chị L không đồng ý, anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh vẫn còn thương vợ con, anh không đồng ý ly hôn, anh xin thời gian để hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Lưu Nhân Lg (nam), sinh ngày 22/5/1993. Nhân Lg đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Lưu Thị Kim L và anh Trần Đức N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị L khởi kiện ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Trần Đức N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, anh N vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh N chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng đến năm 2015 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã nhau, chị đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị đã dọn ra ngoài sống riêng và anh chị đã ly thân từ giữa năm 2015 đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai quan tâm ai. Đến nay chị xác định đã không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu ly hôn.

Về phía anh N, mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh N thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống kinh tế gia đình, thời gian trước anh có hay ăn chơi không quan tâm vợ con nên hay cự cải nhau dần mất hạnh phúc. Anh nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng chị L không đồng ý và anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh N cùng thống nhất có 01 con tên Trần Lưu Nhân Lg (nam), sinh ngày 22/5/1993. Nhân Lg đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[5] *Về tài sản chung:* Trong quá trình thu thập chứng cứ các đương sự thống nhất về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về *nợ chung:* Các đương sự thống nhất không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Kim L được ly hôn với anh Trần Đức N.

- Về con chung: Chị L và anh N cùng thống nhất có 01 con tên Trần Lưu Nhân Lg (nam), sinh ngày 22/5/1993 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị Kim L phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, chuyển tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001861 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành tiền án phí (công nhận chị L đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Long Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phương Văn Chính